

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/02/2024

*“v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Thảo và ông Nguyễn Đức Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 523/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư M, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người được nguyên đơn ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số D đường Đ, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1983; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư M, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị T2, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu dân cư M, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C (nay là phường C, thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 07/8/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Tháng 8/2020, chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Tháng 11/2020 anh T1 cũng sang Đài Loan làm việc. Kể từ khi sang Đài Loan, do vợ chồng sống xa nhau nên anh chị không còn quan tâm, không liên lạc với nhau. Mặc dù đã được gia đình hai bên can thiệp nhiều lần nhưng mâu thuẫn của vợ chồng chị vẫn không cải thiện được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Văn H1, sinh ngày 01/5/2010 và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 15/3/2013. Hiện nay hai con đang ở cùng bà ngoại là Vũ Thị T2. Khi ly hôn, chị xin được nuôi hai con và tự nguyện không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị. Trong thời gian chị ở nước ngoài, đề nghị Tòa án tạm giao hai cháu cho bà T2 nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi chị về Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị H không cung cấp được địa chỉ của anh Nguyễn Văn T1 ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh T1. Ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị S (là bố mẹ đẻ của anh T1) trình bày: Ông bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T1 ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh T1 vẫn thỉnh thoảng liên lạc cho gia đình qua điện thoại. Ông bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T1 biết. Đến nay, anh T1 xác định chị H đã chủ động làm đơn xin ly hôn anh nên anh đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của 02 cháu Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Khánh L. Về tài sản chung, nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Do anh T1 đang ở nước ngoài, không thể về Việt Nam để tham gia phiên tòa được nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị T2 trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị H. Bà đồng ý nhận ủy quyền của chị H về việc chăm

sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Nguyễn Khánh L, Nguyễn Văn H1 và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

Kết quả xác minh tại UBND phường C, thành phố C thể hiện: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C (nay là phường C, thành phố C) vào ngày 07/8/2009. Quá trình chung sống, chị H và anh T1 đã xảy ra những mâu thuẫn gì thì địa phương không nắm được. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn T1. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Văn H1, sinh ngày 01/5/2010 và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 15/3/2013 kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Tạm giao cháu H1 và cháu L cho bà Vũ Thị T2 (là bà ngoại) chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị H không có mặt tại Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Nguyễn Văn T1 hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T1 ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu nhưng gia đình anh T1 đều trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh T1 ở Đài Loan. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị S là bố mẹ đẻ của anh T1 để ông L1, bà S thông tin lại cho anh T1 biết việc Tòa án

đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh T1 đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, chị H, bà T2 vắng mặt, có đơn và quan điểm xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C (nay là phường C, thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 07/8/2009 nên là hôn nhân hợp pháp. Theo chị H trình bày, sau khi kết hôn một thời gian ngắn vợ chồng chị đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Năm 2020, chị H và anh T1 đều sang Đài Loan làm việc. Khi ở Đài Loan, vợ chồng chị sống xa nhau, từ đó chị và anh T1 không quan tâm, không liên lạc với nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H có đơn xin ly hôn, anh T1 đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh T1 đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị H được ly hôn anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T1 có 02 con chung là Nguyễn Văn H1, sinh ngày 01/5/2010 và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 15/3/2013. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng bà ngoại là Vũ Thị T2. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung. Trong thời gian ở nước ngoài, chị H ủy quyền cho bà Vũ Thị T2 (là mẹ đẻ) nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu cho đến khi chị H về Việt Nam, bà Thông đồng ý. Xét thấy, cháu H1 và cháu L đã sinh sống ổn định cùng chị H và bà T2, các cháu đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Anh T3 nhất trí với ý kiến của các cháu. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Văn H1 và cháu Nguyễn Khánh L cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng là phù hợp. Do hiện nay chị H ở nước ngoài nên tạm giao cả hai cháu cho bà Vũ Thị T2 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị H về Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T3 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị H được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Văn H1, sinh ngày 01/5/2010 và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 15/3/2013 kể từ tháng 02/2024 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) do anh Nguyễn Ngọc T nộp thay, theo biên lai thu tiền số 0000307 ngày 21 tháng 11 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chất